

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Môi trường theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu Kinh tế, công nghiệp thành phố Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Quyết định công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Tờ trình số 1084/TTr-KKTCN ngày 13 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 05 thủ tục hành chính (TTHC), bao gồm: 04 TTHC được sửa đổi, bổ sung và 01 TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu Kinh tế, công nghiệp thành phố Huế. (Có Danh mục TTHC kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Ban Quản lý Khu Kinh tế, công nghiệp thành phố Huế cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo đúng quy định; trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC.

2. Ban Quản lý Khu Kinh tế, công nghiệp thành phố Huế, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm niêm yết, công khai và triển khai giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu Kinh tế, công nghiệp thành phố Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT, TT PVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC
MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ, CÔNG NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (1.010733)	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: + Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường; + Tối đa là 20 (hai mươi) ngày kể từ đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường; + Tối đa là 10 (mười) ngày kể từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Ứng dụng định danh quốc gia. 	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 17/11/2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của phủ; - Chính Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của phủ; - Chính Thông tư số 02/2022/TT BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thời gian giải quyết; - Thành phần hồ sơ; - Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định; - Kết quả thực hiện TTHC; - Căn cứ pháp lý.

		<p>ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng hình thức lấy ý kiến. + Thời hạn thẩm định quy định có thể được kéo dài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Thời điểm thông báo kết quả: trong thời hạn thẩm định.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của Cơ quan thẩm định không tính vào thời hạn thẩm định.</p>			<p>nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 09/2026/TT BNNMT ngày 29/ 01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p>		
2	Cấp giấy phép môi trường (1.010727)	<p>- Đối với trường hợp Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ</p>	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;</p> <p>- Nộp trực tuyến</p>	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 17/11/2020;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;</p> <p>- Nghị định số</p>	<p>- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp</p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Cách thức thực hiện;</p> <p>- Thời gian giải quyết;</p> <p>- Thành phần hồ sơ;</p> <p>- Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết</p>

		<p>so, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>- Đối với các trường hợp còn lại: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</p>	<p>trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.</p>		<p>08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của phủ;</p> <p>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của phủ;</p> <p>- Chính Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của phủ;</p> <p>- Chính Thông tư số 02/2022/TT BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 09/2026/TT BNNMT ngày 29/ 01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p>		<p>định;</p> <p>- Kết quả thực hiện TTHC;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (1.010729)	<p>Tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung</p>	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố</p>	<p>Theo quy định của Hội đồng nhân dân</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Ngày 17/11/2020;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của</p>	<p>- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.</p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Cách thức thực hiện;</p> <p>- Thành phần hồ sơ;</p>

		hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.	thành phố.	15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Thời gian giải quyết; - Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định; - Kết quả thực hiện TTHC; - Căn cứ pháp lý.
4	Cấp lại giấy phép môi trường (1.010730)	- Đối với trường hợp Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chính	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của	- Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời gian giải quyết; - Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định; - Kết quả thực

	<p>sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>- Đối với các trường hợp còn lại: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</p>	<p>quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.</p>	<p>Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p>	<p>hiện TTHC; - Căn cứ pháp lý.</p>
--	--	---	--	---

* **Ghi chú:** Nội dung chi tiết của các TTHC đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>).

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	Môi trường	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15; - Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.	UBND thành phố